

Số: 25/2016/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 14 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản
sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 4981/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2017, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn ngân sách do địa phương quản lý trong kế hoạch 2017 là 804.110 triệu đồng, bao gồm:

- | | |
|--|---------------------|
| a) Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: | 396.110 triệu đồng, |
| b) Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: | 375.000 triệu đồng, |
| c) Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: | 33.000 triệu đồng. |

(Kế hoạch phân bổ chi tiết có 08 Biểu kèm theo)

2. Về nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017:

a) Bố trí đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ theo quy định của Quốc hội;

b) Bố trí đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh, bao gồm: Chi trả nợ các khoản vay (vốn vay kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn và vốn vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ); bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm của tỉnh.

c) Phần còn lại thực hiện phân cấp tỉnh - huyện quản lý, trong đó:

- Cấp tỉnh quản lý 60%: Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư; vốn quyết toán các dự án hoàn thành; xử lý một phần nợ đọng xây dựng cơ bản của tỉnh; hỗ trợ đầu tư cho cấp huyện theo chính sách riêng của tỉnh và bố trí cho một số công trình do các sở, ban, ngành cấp tỉnh quản lý (bao gồm thực hiện các chương trình mục tiêu từ Trung ương chuyển về chi từ ngân sách địa phương). Kế hoạch năm 2017, thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành toàn bộ các dự án của kế hoạch 2016 chuyển sang để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án. Phần còn lại để khởi công mới của một số dự án đã được tỉnh cho phép lập chủ trương đầu tư và đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư.

- Cấp huyện quản lý 40%: Bố trí các công trình do huyện quản lý theo đúng các nguyên tắc chung của tỉnh; bao gồm thực hiện các chương trình mục tiêu từ Trung ương chuyển về chi từ ngân sách địa phương (Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; di dân định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở, phòng, tránh bão, lũ khu vực miền Trung theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới và đối ứng thực hiện các công trình, dự án được hỗ trợ theo chính sách riêng của tỉnh.

3. Các giải pháp thực hiện:

a) Tổ chức thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 2/6/2016 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

b) Các cấp ngân sách chủ động bố trí vốn và thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, đảm bảo các điều kiện để được bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

c) Tăng cường năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư. Nâng cao năng lực thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, quyết toán công trình, cấp phát vốn đầu tư, giải phóng mặt bằng của các cơ quan quản lý nhà nước. Kiểm tra chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án của các nhà thầu, của các đơn vị tư vấn.

d) Các dự án đã được quyết định đầu tư phải thực hiện đầu tư đúng theo mức vốn kế hoạch đã được giao, nghiêm cấm việc thực hiện vượt quá mức kế hoạch vốn được giao, gây nợ đọng xây dựng cơ bản. Trường hợp thật sự cần thiết phải bổ sung thêm vốn, hoặc phải điều chuyển vốn trong nội bộ ngành, lĩnh

vực thuộc phạm vi quản lý thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn xem xét quyết định.

e) Tiếp tục thực hiện điều chuyển vốn kế hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh đối với các dự án đến hết ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch; các dự án đến hết ngày 30/11/2017 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch.

g) Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư đối với từng dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới.

h) Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện công khai các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đầu tư. Tổ chức tốt công tác giám sát của cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư và xây dựng theo đúng quy định.

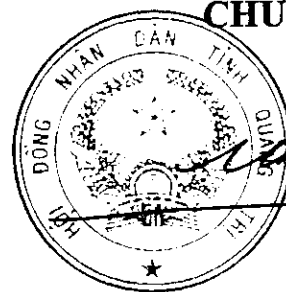
Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý năm 2017. Chủ động vận động thu hút nguồn lực để tăng nguồn vốn xây dựng cơ bản, tiếp tục bổ sung cân đối cho các nhu cầu đầu tư phát triển;

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *u*

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Cục kiểm tra VB Bộ Tư pháp;
- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- TVTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, TAND, Viện KSND tỉnh;
- VPTU, LĐVPHĐND, VPUBND tỉnh;
- Sở KHĐT, TC, TP, Kho Bạc NN tỉnh;
- TTHĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CVVP HĐND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *95b*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng



Biểu số 1

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2017**

(Kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	TỈNH GIAO	Trong đó			Ghi chú
			GD-ĐT	KHCN	LĨNH VỰC KHÁC	
1	2	4=5+6+7	5	6	7	9
	TỔNG CỘNG	804.110	147.300	26.400	630.410	
A	ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	396.110	79.200	13.200	303.710	
I	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định	92.400	79.200	13.200	0	
-	Cấp tỉnh	48.200	35.000	13.200		Chi tiết tại biểu số 2
-	Cấp huyện	44.200	44.200			Chi tiết tại biểu số 2
II	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)	95.514	0	0	95.514	
1	Chi trả các khoản nợ vay	45.710			45.710	Thực hiện theo BC số 414/BC-CP ngày 15/10/201
a	Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT	15.710			15.710	
b	Chi trả vốn vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ	30.000			30.000	Chi tiết tại biểu số 3
2	Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương	49.804			49.804	Chi tiết tại biểu số 4
III	Cân đối theo tiêu chí (sau khi thực hiện đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh)	208.196			208.196	
	<i>Trong đó:</i>					
-	Cấp tỉnh quản lý (60%)	124.918			124.918	Chi tiết tại biểu số 5
-	Cấp huyện quản lý (40%)	83.279			83.279	Chi tiết tại biểu số 6
B	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	375.000	52.800	13.200	309.000	
I	Cấp tỉnh quản lý	225.000	22.800	13.200	189.000	Chi tiết tại biểu số 7
1	Thu tại Thành phố Đông Hà	135.000	0	0	135.000	
a	Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất	27.000			27.000	
b	Đầu tư trong năm	108.000		0	108.000	
2	Thu tại Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo	30.000	0	0	30.000	

TT	Các nguồn vốn đầu tư	TÌNH GIAO	Trong đó			Ghi chú
			GD-ĐT	KHCN	LĨNH VỰC KHÁC	
a	Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất	6.000			6.000	
b	Đầu tư trong năm	24.000	0	0	24.000	
3	Thu tại các khu đất giao cho doanh nghiệp	60.000	22.800	13.200	24.000	
a	Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất	12.000			12.000	
b	Đầu tư trong năm	48.000	22.800	13.200	12.000	
II	Cấp huyện quản lý	150.000	30.000		120.000	Chi tiết tại biểu số 6
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	33.000	15.300		17.700	Chi tiết tại biểu số 8

Biểu số 2
VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ KẾ HOẠCH 2017
ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó Thanh toán nợ	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số	Trong đó: NSDP				Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG (A + B)					502.518	385.413	50.559	37.673	92.400		
A	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO					435.403	320.052	50.559	37.673	79.200		
I	CẤP TỈNH					171.939	121.397	14.257	14.257	35.000		
1	Chuẩn bị đầu tư									400		
-	Trường THPT Bùi Dục Tài	Hải Lăng		2018						400		
2	Các công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán									818		
3	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2016					3.272	3.272	2.611	2.611	661		
-	Cải tạo nhà nội trú Trường chính trị Lê Duẩn	Đông Hà		16-17	193/QĐ-UBND ngày 28/1/2016	3.272	3.272	2.611	2.611	661		
4	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017					70.986	67.500	10.646	10.646	13.639		
-	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh	Gio Linh		16-18	2376a/QĐ-UBND 30/10/2015	45.500	45.500	7.000	7.000	7.400		+ nguồn SDD
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hải Lăng	Hải Lăng	544m2	14-16	2318/QĐ-UBND 28/10/2014	9.486	6.000	1.248	1.248	2.500		
-	Giảng đường đa năng Trường Cao đẳng y tế	Đông Hà	1.849,8 m2	16-18	642/QĐ-UBND 31/3/2016	16.000	16.000	2.398	2.398	3.739		+ nguồn SDD
5	Các dự án khởi công mới năm 2017					48.681	40.101	0	0	14.500	0	
-	Trường THPT Đông Hà (Nhà hiệu bộ; Nhà đa năng, Nhà học và thực hành)	Đông Hà		2017- 2019	2757/QĐ-UBND 30/10/2016	19.971	19.971			5.400		+ nguồn SDD
-	Nhà đa năng, hàng rào Trường THPT Trần Thị Tâm, Hải Lăng	Hải Lăng		2017- 2019	2758/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	5.800	5.800			1.800		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó Thanh toán nợ	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số				Trong đó: NSDP
						Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Nhà học thực hành, nhà đa năng Trường THPT Lao Bảo	Hướng Hóa		2017- 2019	2759/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	8.580				1.500		
-	Phòng học tầng 3 Trường THPT Nguyễn Huệ, TX Quảng Trị	Tx Q.Trị		2017	2776/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	2.300	2.300			1.000		
-	Nhà hiệu bộ các hạng mục phụ trợ, mở rộng khuôn viên, Trường THPT Chế Lan Viên, Cam Lộ	Cam Lộ		2017- 2019	2760/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	8.330	8.330			2.900		+ nguồn SDD
-	Cải tạo Nhà học 4 tầng (Nhà F), Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Đông Hà		2017	1667/QĐ-UBND 18/7/2016	2.800	2.800			1.400		+ nguồn SDD
-	Tường rào, Kè chắn đất Trường THPT Hướng Phùng, Hướng Hóa	Hướng Phùng		2018	191a/QĐ-SKH- TĐ ngày 28/10/2016	900	900			500		
6	Đối ứng các dự án ODA, Khác					49.000	10.524	1.000	1.000	4.982		
-	Nhà học thực hành Trường THPT Chế Lan Viên thuộc Chương trình giáo dục THPT				1139/QĐ-UBND ngày 11/6/2014	5.384	1.278	500	500	338		
-	Nhà học 3 tầng Trường THPT Lâm Sơn Thủy thuộc Chương trình phát triển giáo dục THPT				2437/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	11.379	2.670	500	500	400		
-	Trường THCS Hải Chánh	Hải Lăng	575m2	16-17	494/QĐ-UBND ngày 15/3/2016	3.395	743			730		
-	Trường THCS Hội Yên	Hải Lăng	578m2	16-17	540/QĐ-UBND ngày 21/3/2016	4.574	1.164			800		
-	Trường THCS Triệu Trung	Triệu Phong	6 phòng học, 395m2	16-17	495/QĐ-UBND ngày 15/3/2016	4.063	991			800		
-	Trường THCS Gio Mai	Gio Linh	575m2	16-17	541/QĐ-UBND ngày 21/3/2016	3.735	878			600		
-	Trường Mầm non Vĩnh Thái	Vĩnh		16-17		5.066	1.000			500		
-	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi, TX Quảng Trị	TXQT		16-17	1213/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND	6.904	900			400		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó Thanh toán nợ	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSDP			
						Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Trường mầm non Hoa Sen xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ	Cam Lộ		17-18		4.500	900			414		
II	CẤP HUYỆN					263.465	198.655	36.302	23.416	44.200		
1	Huyện Hướng Hóa					26.510	19.200	4.444	2.067	5.000		
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017											
-	Trường Tiểu học số 1 Thị trấn Lao Bảo	TT. Lao Bảo	10 phòng học	16-18	629/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	5.850	4.000	2.377	1.000	1.400		
-	Trường Mầm non thị trấn Lao Bảo	TT. Lao Bảo	10 phòng học	16-18	643/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	6.600	4.000	2.067	1.067	1.400		
*	Các dự án khởi công mới năm 2017											
-	Trường THCS bán trú Hướng Phùng	Hướng Phùng	16 phòng bán trú, 780m2	17-19	2775/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	7.560	6.000			800		
-	Trường THCS bán trú Hướng Lập	Hướng Lập	10 phòng bán trú, 512m2	17-19	3590/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND huyện Hướng	5.000	4.000			800		
-	Trường THCS Tân Lập	Tân Lập	Cải tạo	17-19	3602/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Hướng	1.500	1.200			600		
2	Huyện Đakrông					28.615	24.915	5.186	4.386	5.000		
*	Các dự án hoàn thành trước 31/12/2016											
-	Trường Tiểu học Ba Nang (Thôn Ngược)	Thôn Ngược	03 phòng học, 02 phòng GV		1701/QĐ-UBND ngày 21/8/2013	1.555	1.555	1.200	1.200	320		
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017											
-	Trường PTDT bán trú THCS Ba Nang	Thôn Tà Rec	06 phòng hoc		557/QĐ-UBND ngày 29/4/2014	4.306	4.306	1.800	1.000	1.380		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó Thanh toán nợ	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSDP			
						Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Trường Tiểu học A Bung (thôn Cu Tài 2)	Thôn Cu Tài	08 phòng học		1718/QĐ-UBND ngày 22/8/2013	4.254	4.254	2.186	2.186	1.300		
*	Các dự án khởi công mới năm 2017					18.500	14.800			2.000		
1	Trường Mầm non Triệu Nguyên. Hạng mục 04 phòng học	Triệu Nguyên	4 phòng học, 411m2	17-19	2105/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Đakrông	3.500	2.800			500		
-	Trường Mầm non Hướng Hiệp, thôn Hà Bạc. Hạng mục 04 phòng học	Hướng Hiệp	4 phòng học, 445m2	17-19	2106/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Đakrông	3.000	2.400			600		
-	Trường Tiểu học thị trấn Krông Klang. Hạng mục 08 phòng học	TT Krông Klang	8 phòng học, 681m2	17-19	2107/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Đakrông	5.000	4.000			800		
-	Trường PTDT bán trú Tà Long	Tà Long		18-20	2749a/QĐ- UBND 28/10/2016	7.000	5.600			100		+ Vốn NS huyện
3	Huyện Cam Lộ					25.574	20.500	2.261	1.000	4.400		
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017											
-	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	Cam An	6 phòng học	16-18	456/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND huyện Cam Lộ	4.545	3.500	800	400	1.000		
-	Trường THCS Lê Hồng Phong	Cam Tuyền	6 phòng học	16-18	471/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND huyện Cam Lộ	4.834	3.800	800	400	1.200		
-	Trường THCS Tôn Thất Thuyết	Cam Nghĩa	Nhà hiệu bộ	16-18	470/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND huyện Cam Lộ	2.195	2.000	661	200	1.000		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó Thanh toán nợ	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP			
						Tổng số	Trong đó: NSDP					
*	Các dự án khởi công mới năm 2017											
-	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Cam Thủy	787m2	17-19	3983/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ	5.000	4.000			400		
-	Trường Mầm non Hoa Hồng	Cam Hiếu	804m2	17-19	3984/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ	5.000	4.000			400		
-	Trường THCS Lê Thế Hiếu	Cam Chính	744m2	17-19	3981/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ	4.000	3.200			400		
4	Huyện Hải Lăng					30.955	22.200	2.617	1.908	5.000		
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017											
-	Trường Mầm non Thị trấn Hải Lăng	TT.Hải Lăng	5 phòng	16-18	646/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	4.753	3.000	700	600	1.200		
-	Trường Tiểu học Hải Phú	Hải Phú	7 phòng	16-18	645/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	4.628	3.000	958	658	1.200		
-	Trường Tiểu học Hải Chánh số 2	Hải Chánh	8 phòng	16-18	647/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	5.157	3.000	959	650	1.200		
*	Các dự án khởi công mới năm 2017											
-	Trường THCS Hải Xuân	Hải Xuân	8 phòng học	17-19	2678 /QĐ-UBND ngày 28/10/2016	6.600	5.200			600		
-	Trường Mầm non Hải Chánh	Hải Chánh	695m2	17-19	867/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Hải Lăng	4.942	4.000			400		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó Thanh toán nợ	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Trường THCS Hội Yên	Hải Quế	6 phòng học	17-19	868/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Hải Lăng	4.875	4.000			400	
5	Huyện Triệu Phong					21.743	18.200	2.698	561	5.000	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>										
-	Nhà đa năng Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	TT.Ái Tử	676,5m2	16-18	201a/QĐ-UBND 31/3/2016	3.300	3.000	1.437	300	1.500	
-	Trường Tiểu học xã Triệu Giang	Triệu Giang	8 phòng học	16-18	197a/QĐ-UBND 30/3/2017	4.443	4.000	1.261	261	2.000	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2017</i>										
-	Trường THCS Triệu Sơn	Triệu Sơn	764m2	17-19	1118/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Triệu	5.000	4.000			500	
-	Trường Mầm non Triệu Hòa	Triệu Hòa	654m2	17-19	1119/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Triệu	5.000	4.000			500	
-	Trường Mầm non Triệu Trạch	Triệu Trạch	759,4m2	17-19	1120/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Triệu	4.000	3.200			500	
6	Huyện Gio Linh					26.900	21.900	2.067	216	4.500	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>										
-	Trường THCS Trung Hải	GL			1462/QĐ-UBND 28/6/2016	8.900	7.500	2.067	216	2.700	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2017</i>										
-	Trường THCS Thị trấn Gio Linh	TT Gio Linh	12 phòng học, 1.070m2	17-19	2747/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	7.000	5.600			600	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó Thanh toán nợ	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Trường mầm non Hoa Mai	TT Gio Linh	6 phòng học, 832m2	17-19	2748/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	6.000	4.800			600		
-	Trường Tiểu học Linh Hải	Linh Hải	731m2	17-19	6817/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Gio Linh	5.000	4.000			600		
7	Huyện Vĩnh Linh					33.645	23.500	3.125	1.146	5.200	0	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>											
-	Trường Mầm non xã Vĩnh Tú	Vĩnh Tú	6 phòng học	2016- 2018	1310/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	6.351	3.500	900	300	1.300		
-	Trường Mầm non xã Vĩnh Cháp	Vĩnh Cháp	6 phòng học	2016- 2018	1312/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	5.573	3.500	1.046	446	1.300		
-	Trường Tiểu học Cửa Tùng	TT Cửa Tùng	10 phòng học	2016- 2018	1311/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	5.521	3.500	1.179	400	1.300		
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2017</i>											
-	Trường THCS Nguyễn Trãi (xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao)	TT Hồ Xá	10 phòng học, 1.008m2	17-19	2773/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	7.500	6.000			500		
-	Trường THCS Trần Công Ái	Vĩnh Tú	6 phòng học, 614m2	17-19	3271/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Linh	3.700	3.000			500		
-	Trường MN số 2 Vĩnh Lâm (cụm Tân Mỹ)	Vĩnh Lâm	6 phòng học, 760m2	17-19	3270/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Linh	5.000	4.000			300		
8	Thị xã Quảng Trị					19.229	14.650	517	517	4.700	0	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>											
-	Nhà hiệu bộ Trường THCS Lý Tự Trọng	TXQT	971m2, 6 phòng hoc	16-18	2088/QĐ-UBDN ngày 01/9/2016	6.660	5.000	517	517	1.700		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP			
						Tổng số	Trong đó: NSDP				Tổng số	
*	Các dự án khởi công mới năm 2017											
-	Trường Mầm non Thành Cổ (Nhà học tập kết hợp khu hiệu bộ)	TXQT	542,3m2	17-19	1349/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND	3.433	2.400			900		
-	Trường Mầm non Hoa Phượng (Nhà đa năng kết hợp Khu hiệu bộ)	An Đôn	360m2	17-19	1348/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND	2.433	1.700			700		
-	Trường THCS Lương Thế Vinh (Nhà học chức năng; Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ)	TXQT	300,8m2	17-19	1346/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND	2.195	1.550			700		
-	Trường Tiểu học Kim Đồng	Hải Lệ	8 phòng học, 731,6m2	17-19	1347/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND	4.508	4.000			700		
9	Thành phố Đông Hà					50.294	33.590	13.387	11.615	5.400	0	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017											
-	Nhà đa chức năng trường Tiểu học Phan Bội Châu	Đông Hà	580m2	2015-2017	1851/QĐ-UBND 17/9/2014	3.846	3.846	2.750	2.000	900		
-	Trường Mầm Non Phường 4	Đông Hà	6 phòng học, 837,2m2	15-17	2411/QĐ-UBND 30/10/2014	12.154	6.000	6.800	5.778	222		
-	Nhà học Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	ĐH			782/QĐ-UBND 27/7/2011	2.582	2.582	1.963	1.963	600		
-	Nhà học Trường Tiểu học Đông Lễ	ĐH			923/QĐ-UBND 16/8/2011	2.662	2.662	1.874	1.874	800		
*	Các dự án khởi công mới năm 2017					29.050	18.500			2.878		
-	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Đông Hà	15 phòng học, 1.950m2	17-19	2763/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	14.500	8.000			900		
-	Trường Tiểu học Sông Hiếu	Đông Hà	6 phòng học, 600m2	17-19	2765/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	5.500	4.000			600		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2016		Kế hoạch 2017	Trong đó Thanh toán nợ	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
						Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	Đông Hà	10 phòng học, 1.045m2	17-19	2762/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	8.000	5.600			800		
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi	Đông Hà		2017	2680/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	1.050	900			578		
B	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ					67.115	65.361	0	0	13.200		
I	CẤP TỈNH QUẢN LÝ					67.115	65.361			13.200		
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016					16.899	16.899	12.000	12.000	4.000		
-	Trung tâm phát triển công nghệ sinh học	Đông Hà	1869m2	2016	1102/QĐ-UBND 23/5/2016	16.899	16.899	12.000	12.000	4.000		
2	Các dự án khởi công mới năm 2017					50.216	48.462	0	0	9.200		
-	Trạm ứng dụng Khoa học công nghệ Bắc Hướng Hóa	Hướng Hóa		17-19	2756/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.129	19.129			3.000		
-	Thiết bị đo lường thử nghiệm phụ vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa tại khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo và trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		16-18	2755/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.000	25.246			4.400		
-	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Đo Lường Chất lượng sản phẩm	Đông Hà		17-18	187/QĐ-SKH- TĐ ngày 26/10/2016	1.187	1.187			800		
-	Sửa chữa Trạm ứng dụng nghiên cứu thực nghiệm và phát triển nấm thuộc TT ứng dụng KHCN Cam Lộ	Cam Lộ		17-18	188/QĐ-SKH- TĐ ngày 26/10/2016	2.900	2.900			1.000		



Biểu số 3

**KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT 02/NQ-CP
NGÀY 07/01/2013 CỦA CHÍNH PHỦ TỪ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2017**

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	Vốn vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP	Vốn đã bố trí trả nợ đến hết KH 2016	Dư nợ đến 31/12/2016	Kế hoạch 2017
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	150.000	45.900	104.100	30.000
I	Huyện Cam Lộ	46.844	13.484	33.360	9.614
1	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ	10.244	3.056	7.188	2.071
2	Kè chống xói lở khẩn cấp, chỉnh trị dòng chảy, đập dâng tích nước thôn Thượng Lâm, tuyến đường ứng cứu ổn định dân cư phát triển kinh tế hai bờ sông huyện Cam Lộ (giai đoạn 1)	21.600	5.952	15.648	4.510
3	Đường vào xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	15.000	4.475	10.525	3.033
II	Huyện Vĩnh Linh	13.413	4.002	9.411	2.712
4	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh	6.493	1.937	4.556	1.313
5	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	6.920	2.065	4.855	1.399
III	Huyện Hải Lăng	10.828	3.231	7.597	2.189
6	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng	10.828	3.231	7.597	2.189
IV	Huyện Triệu Phong	24.858	6.924	17.934	5.168
7	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Triệu Hòa, Triệu An huyện Triệu Phong	8.258	2.464	5.794	1.670
8	Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây, huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ	16.600	4.460	12.140	3.499
V	Huyện Gio Linh	8.838	2.637	6.201	1.787
9	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Vĩnh Trường huyện Gio Linh	8.838	2.637	6.201	1.787
VI	Dự án cấp tỉnh làm chủ đầu tư	45.219	15.623	29.596	8.529
10	Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía tây thành phố Đông Hà (gđ1)	5.419	1.617	3.802	1.096
11	Cầu An Mô, huyện Triệu Phong	18.400	5.236	13.164	3.794
12	Cầu Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	18.400	7.875	10.525	3.033
13	Tuyến đường vào xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh	3.000	895	2.105	607

Kế hoạch 2014 đã trả 15.900 triệu đồng, trong đó:

- (1) - Trả đầu năm tại Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 24/12/2013: 12.500 triệu đồng;
- Bổ sung trong năm tại Thông báo số 169/TB-UBND ngày 29/10/2014: 3.400 triệu đồng (Cầu Cam Hiếu)
- (2) Kế hoạch 2015 không bố trí trả nợ
- (3) Kế hoạch 2016 đã trả 30 tỷ đồng
- (4) Cơ cấu trả nợ theo cơ cấu dự nợ đến 31/12/2016



Biểu số 4

KẾ HOẠCH VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA THUỘC TRÁCH NHIỆM NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			NSDP bố trí đến hết năm	Kế hoạch 2017	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	T.đó: NSDP			
1	2			4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG				2.818.822	65.822	6.777	49.804	
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016								
-	Dự án Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A	Sở GTVT	2013-2015	1636/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	39.995	1.100	-	1.100	Hoàn tạm ứng NS
-	Chuẩn bị mặt bằng xây dựng Chợ Phường 3, thành phố Đông Hà thuộc dự án Hỗ trợ sinh kế cho các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	UBND TP Đông Hà	2015-2016	1407/QĐ-UBND ngày 02/7/2015	8.585	8.585	3.500	5.085	
-	Thiết kế chi tiết các tiểu dự án thuộc dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Sở KH&ĐT	2015-2016		18.230	18.230	-	18.230	
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017								
-	Dự án Hỗ trợ sinh kế cho các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (ADB)	Sở KH&ĐT	2013-2018	2261/QĐ-UBND ngày 12/11/2013	31.993	1.442	-	1.442	
-	Dự án Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị	Sở Y tế	2013-2017	2241/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 152/QĐ-UBND ngày 30/01/2013	73.707	1.601	1.167	434	
3	Các dự án dự kiến chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017								

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			NSDP bố trí đến hết năm	Kế hoạch 2017	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	T.đó:			
						NSDP			
1	2			4	5	6	7	8	9
-	Chương trình Hạnh phúc tỉnh Quảng Trị	Sở KH&ĐT	2014-2018	10994/VPCP-QHQT ngày 30/12/2013. 9921/BKHĐT-KTĐN ngày 31/12/2014; 1676/QĐ-UBND ngày 11/8/2015	246.180	4.220	2.110	2.110	
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Sở KH&ĐT	2013-2018	1358/QĐ-UBND ngày 02/8/2012	2.071.935	22.448	-	13.206	
4	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2017								
-	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	2016-2018	1971/QĐ-UBND ngày 14/9/2015	328.198	8.198	-	8.198	

Biểu số 5
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI NĂM 2017
 Nguồn vốn đầu tư trong cân đối do tỉnh quản lý
 (Kể theo Nghị quyết số: 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2016		Dự kiến kế hoạch 2017	Trong đó: Trả nợ XDCB	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số				Trong đó: NSDP
							Tổng số	Trong đó: NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG SỐ					2.344.894	843.292	816.493	169.676	124.918	11.859		
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ									3.500		Trong đó: ưu tiên bố trí cho các dự án tranh thủ nguồn vốn TW, ODA, CH5-02, ...	
II	QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH									14.000			
III	THỰC HIỆN DỰ ÁN					1.173.197	422.396	408.246	84.838	107.418	11.859		
1	Nông lâm nghiệp thủy sản												
	Dự án hoàn thành trước 31/12/2016												
-	Kè chống xói lở hai bờ Sông Hiếu thành phố Đông Hà (GD 2)	Đông Hà	9267m	2007- 2010	2617/QĐ-UBND ngày 29/12/2006	167.670				1.090	1.090		
-	Kè chống xói lở bờ Bắc sông Thạch Hãn, thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	1663,19m	2008- 2010	1360/QĐ-UBND ngày 21/7/2008	33.675	33.675			846	846		
-	Kè chống xói lở bờ Nam sông Thạch Hãn	Quảng Trị			số 2012 và 1147, ngày 22/8/01 và 16/6/09	29.629	29.629			1.020	1.020		
-	Sửa chữa, nâng cấp Đập Đùng xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	tươi 50 ha lúa và 30 ha màu	2011	1483/QĐ-UBND ngày 26/7/2011	11.649	11.649			1.211	1.211		
-	Kè chống xói lở bờ sông Ba Lòng huyện Đakrông	Đakrông	2,326 km	2011	2009/QĐ-UBND ngày 26/10/10, 910/QĐ-UBND ngày 18/5/11	43.844	43.844			1.286	1.286		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017												
-	Trụ sở Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hường Hóa	Hường Hóa	465m2	2013- 2014	2052/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	3.831	2.815	1.815	1.815	1.000			
-	Dự án nuôi trồng thủy sản hồ nước trung tâm huyện Gio Linh	Gio Linh		2015- 2016	2033/QĐ-UBND 21/7/2014	4.900	4.900	1.400	1.400	3.500			
	Dự án khởi công mới năm 2017												

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2016		Dự kiến kế hoạch 2017	Trong đó: Trả nợ XDCB	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Lâm Xuân, xã Gio Mai huyện Gio Linh	Gio Linh			228/QĐ-SKH-NN ngày 29/10/2014	2.993	1.000			1.000	
2	Công nghiệp										
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>										
-	CSHT cụm Công nghiệp Hải Lệ	Quảng Trị	48,98 ha	14-16	1974/QĐ-UBND 28/10/2013	14.983	9.983	6.000	1.000	3.500	
-	CSHT cụm Công nghiệp quốc lộ 9D	Đông Hà	33,4ha	14-16	1846/QĐ-UBND 14/10/2013	50.856	10.000	5.000	1.500	1.500	
-	CSHT cụm Công nghiệp Cam Hiêu	Cam Lộ	70 ha	14-16	1861/QĐ-UBND ngày 16/10/2013	14.993	9.993	7.000	2.550	1.500	
3	Thương mại										
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</i>										
-	Chợ khu vực Cù	Cam Lộ	106 lô	13-15	1541/QĐ-UBND 30/8/2012	6.209	3.000	2.090	2.090	910	
-	Chợ Hải Hoà, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	51 lô quầy	14-15	863/QĐ-UBND 22/7/2014	3.642	1.500	1.900	900	600	
-	Chợ Kên, huyện Gio Linh	Gio Linh	1.470 m2	14-16	2023/QĐ-UBND 31/10/2013	7.393	3.000	2.200	900	2.100	
-	Chợ Hà Tây, xã Triệu An	Triệu Phong	42 lô quầy	15-17	2405/QĐ-UBND 30/10/2014	5.056	3.000	900	900	2.100	
-	Chợ Chùa, xã Triệu Phước	Triệu Phong	120 lô	15-17	181/QĐ-UBND 06/02/2013 1643/QĐ-UBND 02/12/2013	7.462	5.631	5.631	4.631	1.000	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>										
-	Chợ Hải Dương, huyện Hải Lăng	Hải Lăng		16-18	2164/QĐ-UBND ngày 12/9/2016	3.700	2.000	300	0	1.000	
	<i>Dự án khởi công mới năm 2017</i>										
-	Chợ Trung tâm xã Triệu Đông	Triệu Phong		2017-2018	2689/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	3.660	2.000			1.000	
4	Giao thông										
	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2016</i>										
-	Đường Quang Trung, thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	730 m	42686	876/QĐ-UBND 21/12/2011	3.153				739	739

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2016		Dự kiến kế hoạch 2017	Trong đó:		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: NSDP		Trả nợ XDCB
-	Đường vào xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.108 m	11-13	1373/QĐ-UBND 30/7/10 377/QĐ-UBND 04-3-2014	25.537	25.537			943	943			
-	Đường Phú Lệ, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	5,946 km	11-14	1225/QĐ-UBND 27/6/2008; 2173/QĐ-UBND 08/11/2012	59.289	5.929			2.000	2.000			
Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017														
-	Xây dựng Cột bảng điện tử tại ngã tư đường Hùng Vương- Lý Thường Kiệt, Thành phố Đông Hà	Đông Hà		15-16	2347/QĐ-UBND 29/10/2014	5.755	2.000	1.500	1.500	500				
-	Đường vào xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1.312 m	14-16	1150/QĐ-UBND 13-6-2014	5.733	5.000	1.530	1.530	3.470				
-	Đường vào Khu di tích đình làng Hà Thượng (giai đoạn 2)	Gio Linh	241,54m	2015-2016	2120/QĐ-UBND 03/10/2014	5.829	5.000	2.000	2.000	3.000				
-	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khe Me, xã Linh Thượng	Gio Linh	1200m	14-15	4185/QĐ-UBND 13/9/2013	2.500	2.500	1.600	1.600	900				
Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017														
-	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong	Triệu Phong		14-16	1128/QQD-UBND 25/6/2013	9.486	7.000	2.409	2.409	500				
-	Xây dựng Block vỉa hè, rãnh thoát nước đường Trần Phú và đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.754m	14 -16	2000/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	17.800	12.000	4.000	4.000	5.000				
-	Đường từ thôn Vĩnh Lại xã Triệu Phước đi Triệu An, huyện Triệu Phong	Triệu Phong			1996/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	14.825	7.000	7.825	50	1.000			Đối ứng QĐ 60	
Dự án khởi công mới năm 2017														
-	Xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà	Đông Hà			2000/QĐ-UBND ngày 24/8/2016	110.486	20.000			10.000				
-	Đường dân sinh Hải Quế - Hải Dương, huyện Hải Lăng (xử lý tranh chấp địa giới hành chính 2 xã)	Hải Lăng	253,74m	16 -17	2522/QĐ-UBND ngày 17/10/2016	1.000	1.000			900				
-	Đường Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Đông Hà	Đông Hà	345m	15-17	191/QĐ-UBND ngày 15/3/2016	14.996	14.996	8.000	8.000	1.397			Dự án trước đây sử dụng vốn quỹ đất và bảo trì đường bộ, lần đầu tiên sử dụng vốn NSTT	
5	Thông tin - Truyền thông													
Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017														

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2016		Dự kiến kế hoạch 2017	Trong đó: Trả nợ XDCB	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số				Trong đó: NSDP
-	Nâng cấp, phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2013-2015	Đông Hà		14-16	1107/QĐ/TU ngày 29/10/2013 của Tỉnh ủy Q. Trị	5.557	4.462	2.000	2.000	1.000		Hỗ trợ hoàn thành giai đoạn I
-	Đầu tư phần mềm ứng dụng một cửa điện tử và cơ sở dữ liệu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị			15-16	1021/KH-UBND 06/5/2011							
+	Hạng mục: Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan nhà nước	Toàn tỉnh		15-16	84/QĐ-SKH-VX 29/6/2015	597	597	350	350	247		
+	Hạng mục: Công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		15-16	65/QĐ-SKH-VX 05/6/2015	2.812	2.812	1.350	1.350	1.462		
6	Văn hóa - Thể thao - Du lịch											
	Dự án hoàn thành trước 31/12/2016											
-	Nhà thiếu nhi Cam Lộ	Cam Lộ		2012-2014	1797/QĐ-UBND 21/9/2010 2946/QĐ-UBND 31/12/2011	10.875	3.843	9.852	2.820	1.023	1.023	
-	Tuyến đường phía Bắc khu Dịch vụ - Du lịch tổng hợp Gio Hải thuộc Khu DV-DL dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt (giai đoạn 2)			12-15	1746/QĐ-UBND 31/8/2009	37.122	7.122	30.000		1.700	1.700	Đối ứng QĐ 60
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017											
-	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc Vân kiều và Pa Kô, huyện Đakrông	Đakrông	1300 m2	12-15	1956/QĐ-UBND 23/9/2011	20.737	4.000	16.800	800	3.200		Đối ứng QĐ 60
-	Bảo tồn bản truyền thống Kalu, dân tộc Bru-Vân Kiều, xã Đakrông, huyện Đakrông	Đakrông	bảo tồn 15 nhà dân	13-15	321/QĐ-UBND ngày 08/3/2013 và 1562/QĐ-UBND ngày 28/7/2015	6.485	1.000	3.040		1.000		Đối ứng QĐ 60
7	Y tế - Xã hội											
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017											
-	Phòng khám đa khoa Khu vực Tà Rụt	Đakrông	1566 m2	15-16	2329/QĐ-UBND ngày 28/10/14	18.000	5.600	10.719	3.500	2.100		Hoàn trả nguồn theo kiến nghị của KTNN
-	Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Quảng Trị	Cam Lộ	15,5ha	17	1372/QĐ-UBND 29/7/2010	96.940	19.418	84.017	6.495	500		Hoàn thành hạng mục thiết bị
8	Quản lý nhà nước											
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017											

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2016		Dự kiến kế hoạch 2017	Trong đó:	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSDP				Tổng số
						Tổng số	Trong đó: NSDP				Tổng số		
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Thông tin và Truyền thông	Đông Hà	cải tạo	15-16	2398/QĐ-UBND 30/10/2014	2.500	2.500	2.000	2.000	500			
-	Sửa chữa trụ sở làm việc UBNDTTQVN tỉnh	Đông Hà	581 m2	15-16	2402/QĐ-UBND 30/10/2014	3.522	3.522	3.200	3.200	322			
-	Mở rộng nhà làm việc và lưu trữ 03 tầng, Huyện ủy Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	872m2	14-16	1887/QĐ-UBND 18/10/2013	6.458	5.168	3.300	3.300	1.868			
-	Trụ sở xã Triệu Ái	Triệu Phong	700 m2	14-16	2019/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	11.000	5.000	2.100	2.100	2.900			
-	Trụ sở làm việc UBNDTTQ Việt nam và các đoàn thể huyện Triệu Phong	Triệu Phong	3.000m2	14-16	1988/QĐ-UBND 29/10/2013	9.720	5.000	2.530	2.530	2.470			
-	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan: Ban QLDA Đầu tư và xây dựng, Trung tâm phát triển cụm công nghiệp Làng nghề và Trung tâm phát triển quỹ đất, huyện Triệu Phong	Triệu Phong		14-16	2004/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	5.092	3.500	3.000	3.000	500			
-	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh	Đông Hà	552,49m2	14-16	1932/QĐ-UBND 23/10/2013	3.099	3.099	2.599	2.599	500			
-	Cải tạo, nâng tầng Nhà hành chính trụ sở UBND tỉnh (để bố trí cho trung tâm tin học làm việc)	Đông Hà		16-17	2355/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	3.000	3.000	1.784	1.784	1.216			
-	Trụ sở xã Mò Ó	Đakrông	232 m2	15-16	2403/QĐ-UBND 30/10/2014	4.851	3.000	1.500	1.500	1.500			
-	Trụ sở xã Vĩnh Trung	Vĩnh Linh	510 m2	15-16	2399/QĐ-UBND 30/10/2014	5.300	2.000	1.500	1.500	500		Hỗ trợ đạt chuẩn NTM	
-	Trụ sở xã Vĩnh sơn	Vĩnh Linh		15-16	2612/QĐ-UBND 27/8/2015	4.826	1.000	1.300		1.000		Hỗ trợ đạt chuẩn NTM	
-	Trụ sở xã Cam Thủy	Cam Lộ		15-16	892/QĐ-UBND ngày 28/5/2014	5.310	1.500	3.810		1.500		Hỗ trợ đạt chuẩn NTM	
-	Trụ sở xã Cam Tuyền	Cam Lộ		15-16	2306/QĐ-UBND ngày 1/10/2015	5.088	2.000	3.088		2.000			
-	Trụ sở huyện ủy huyện Cam Lộ	Cam Lộ		15-16	2359/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	29.906	2.000	27.906		2.000			
Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017													
-	Trung tâm quan trắc môi trường	Đông Hà	754 m2	15-16	2512/QĐ-UBND 11/12/2013	7.175	7.175	2.000	2.000	2.000			
-	Phòng LAS-XD tại Trung tâm Quy hoạch và kiểm định xây dựng tỉnh Quảng Trị	Đông hà	872m2	14-16	1534/QĐ-UBND 29/7/2014 925/QĐ-UBND 4/5/2016	5.700	5.700	3.035	3.035	1.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2016		Dự kiến kế hoạch 2017	Trong đó: Trả nợ XDCB	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
	Dự án khởi công mới năm 2017										
-	Trụ sở làm việc nhà B, cơ quan Huyện ủy Hướng Hóa	Hướng Hóa		16-19	2743/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	9.468	8.000	100	100	2.000	
-	Trụ sở làm việc UBNDTTQVN huyện và các Hội, Đoàn thể huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		17-19	2744/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	18.000	8.000	100	100	2.000	
-	Trụ sở làm việc UBND xã Ba Nang	Đakrông		17-19	2749/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	5.560	3.000			1.000	Hỗ trợ đạt xã ĐBKK
-	Sửa chữa trụ sở làm việc Tạp chí Cửa Việt			17-18	2680/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	1.000	1.000			600	
-	Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp (40 Trần Hưng Đạo)			17-18	2783/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.400	1.400			900	
9	An ninh quốc phòng										
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017										
-	Đường cơ động ven biển Hải An - Hải Khê	Hải Lăng	12,18 km	11-15.	949/QĐ-UBND 02/06/2010	128.496	8.000	120.496		7.000	Đối ứng QĐ 60
-	Cột cờ Tổ quốc trên đảo Cồn Cỏ	Cồn Cỏ			256/QĐ-UBND ngày 02/2/2016	3.568	1.898	1.670		1.000	
	Dự án khởi công mới năm 2017										
-	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp cửa ra vào âu tàu Khu neo đậu tránh trú bão đảo Cồn Cỏ	Cồn Cỏ		2016	1990/QĐ-UBND ngày 24/8/2016	1.500	1.500			1.000	Công trình cấp bách
-	Thao trường bắn tổng hợp huyện Đakrông	Đakrông			2118/QĐ-UBND 31/10/2016	3.500	3.500	100	100	1.398	

Biểu số 6
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 2017
Nguồn vốn phân cấp đầu tư trong cân đối và đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất
(Kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2013 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch 2017	Trong đó:			Ghi chú
			Vốn phân bổ theo tiêu chí	Vốn từ thu tiền sử dụng đất	Trong đó:	
					Chi giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	
1	2	3=4+5	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	231.585	83.279	150.000	30.000	
1	Thành phố Đông Hà	96.104	16.104	80.000	16.000	
2	Thị xã Quảng Trị	13.960	6.960	7.000	1.400	
3	Huyện Hải Lăng	20.026	8.026	12.000	2.400	
4	Huyện Triệu Phong	20.722	7.722	13.000	2.600	
5	Huyện Gio Linh	15.518	7.518	8.000	1.600	
6	Huyện Vĩnh Linh	20.416	8.416	12.000	2.400	
7	Huyện Cam Lộ	12.233	4.233	8.000	1.600	
8	Huyện Đakrông	14.328	11.328	3.000	600	
9	Huyện Hướng Hóa	18.278	11.278	7.000	1.400	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ		1.693		0	

Biểu số 7

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI NĂM 2017

Nguồn vốn đầu tư giá quyền sử dụng đất do tỉnh quản lý

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch ngân sách tỉnh 2017	Trong đó: Thanh toán nợ động	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG					1.998.832	1.487.142	916.905	449.183	225.000	1.090	
A	THU TẠI ĐÔNG HÀ					1.840.425	1.395.818	775.185	398.433	135.000	1.090	
I	Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất									27.000		
II	Thực hiện dự án					1.840.425	1.395.818	775.185	398.433	108.000	1.090	
1	Bố trí lại theo Văn số 198/HĐND-HCTH ngày 7/10/2014 của HĐND tỉnh và 3551/UBND-NN ngày 9/10/2014					135.051	110.051	87.343		16.000		
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017											
-	Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây TP. Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	2.298m	11-16	1453/QĐ-UBND 05/08/2010; 2795/QĐ-UBND 22/12/2014 870/QĐ-UBND 25/4/2016	135.051	110.051	87.343	62.343	16.000		
2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất					724.894	724.894	179.396	179.396	69.000		
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017											
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	78 ha	12-15	1609/QĐ-UBND 05/8/11	334.014	334.014	155.336	155.336	35.000		
-	Khu đô thị tái định cư Nam Đông Hà giai đoạn I	Đông Hà	4,23 ha	15-17	2280/QĐ-UBND 27/10/2014	44.880	44.880	16.080	16.080	10.000		
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 1	Đông Hà	30,0ha	16-20	2372/QĐ-UBND 30/10/2015	196.000	196.000	7.900	7.900	23.800		
*	Chuẩn bị đầu tư											
-	Khu đô thị Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	30ha	2018-2022		150.000	150.000	80	80	200		
3	Bố trí cho các công trình khác của tỉnh					980.480	560.873	508.446	219.037	23.000	1.090	
*	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016											

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch ngân sách tỉnh 2017	Trong đó: Thanh toán nợ động	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Cầu Vĩnh Phước	ĐHà, TP	100m	10-13	731/QĐ-UBND 24/4/2008	45.530	19.915	45.615	30.616	1.090	1.090	
-	Đường vào Trụ sở Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	Đông Hà	223m	15-16	868/QĐ-UBND 11/5/2015	2.520	2.520	1.900	1.900	500		
-	Đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh	Cam Lộ	1.038m	15-16	2416/QĐ-UBND 03/11/2015	5.652	5.652	4.700	4.700	700		
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017											
-	Đường nối từ đường Hàm Nghi qua Trường triểu học Hàm Nghi đến đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà (giai đoạn 2)	Đông Hà	223m	14-15	2002/QĐ-UBND 30/10/2013	6.291	4.000	4.200	3.200	800		
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017											
-	Công viên trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà		16-18	2354/QĐ-UBND 30/10/2015	110.436	110.436	5.200	5.200	4.200		
-	Dây chuyền kiểm định xe cơ giới số 2	Đông Hà	1.012 m2	13-15	2040/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	25.427	13.664	7.773	7.773	2.100		
-	Đường Lai Phước - Tân Vĩnh, TP Đông Hà	Đông Hà	3,6km	15-17	2309/QĐ-UBND 28/10/2014	24.008	16.805	4.000	4.000	3.610		
*	Dự án khởi công mới năm 2017											
	Xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà	Đông Hà			2000/QĐ-UBND ngày 24/8/2016	110.486	20.000			10.000		+ NSTT
B	THU TẠI KHU KINH TẾ THƯƠNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO					158.407	91.324	141.720	50.750	30.000	0	
I	Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất									6.000		
II	Thực hiện dự án					158.407	91.324	141.720	50.750	24.000	0	
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2016											
-	Đường ống cấp nước sạch cho Nhà máy bảo quản và chế biến nông sản My Anh	Hướng Hóa	300m	2016	799/QĐ-UBND ngày 25/4/2015	142				142		
-	Cổng chính KCN Quán Ngang	Gio Linh		14-16	2448/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	5.599	5.599	4.789	4.789	810		
-	Điện chiếu sáng tuyến đường trung tâm tại KCN Quán Ngang	Gio Linh	1,7km	14-16	226/QĐ-KKT ngày 12/11/2014	5.818	5.818	4.760	4.760	1.000		
-	CSHT Khu tái định cư Lao Bảo - Tân Thành (GĐ1)	Hướng Hóa	0	2013- 2015	2812/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	59.412	5.941	56.385		1.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch ngân sách tỉnh 2017	Trong đó:	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP		Thanh toán nợ đọng	
Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP									
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vĩnh Linh	140,84 ha	2014-2015	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	3.216	3.216	1.378		
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017											
-	Đường giao thông xã Tân Lập, huyện Hướng Hóa	Hướng Hoá	2.380m	2015-2017	2407/QĐ-UBND 30/10/2014	14.971	1.501	12.570		1.000		
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017											
-	Đầu tư CSHT phát triển khu dân cư tại đường Lê Hồng Phong và phía Tây nhà máy Super Horse	Hướng Hoá	9,08ha	2016-2020	65/QĐ-UBND ngày 14/01/2016	60.000	60.000	60.000	37.985	18.670		
C	THU TẠI CÁC KHU ĐẤT GIAO CHO DOANH NGHIỆP					0	0	0	0	60.000	0	
I	Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất									12.000		
II	Thực hiện dự án									48.000		
-	Các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo									22.800		
-	Các dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ									13.200		
-	Đường Ngô Quyền, Cầu quy Thiện và đoạn còn lại Đường Xuân - Quy - Vĩnh	Hải Lăng	12 km	2017-2020	1902/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	82.779	1.779	500		12.000		Ứng trước vốn thu từ quỹ đất

Biểu số 8

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI NĂM 2017

Nguồn thu xổ số kiến thiết

(Kèm theo Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch ngân sách tỉnh 2017	Trong đó: Thanh toán nợ đọng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
			Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ		111.704	41.004	44.367	4.648	33.000		
I	Y tế		99.070	29.070	43.219	3.500	14.700		
*	Công trình hoàn thành trước 31/12/2016								
-	Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng Cửa Tùng	1747/QĐ-UBND ngày 27/9/2013	39.670	7.170	32.500		800		
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017								
-	Phòng khám đa khoa Khu vực Tà Rụt	2329/QĐ-UBND ngày 28/10/14	18.000	5.500	10.719	3.500	3.200		
*	Công trình khởi công mới năm 2017								
-	Phòng khám khu vực Bồ Bản	2778/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	28.000	8.000			5.000		
-	Nhà hành chính Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	2777/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	10.000	5.000			3.200		
-	Nâng cấp Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe		2.200	2.200			1.500		
-	Trung tâm giám định Y khoa tỉnh		1.200	1.200			1.000		
II	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới		7.700	7.000	0	0	3.000		
-	Trạm Y tế xã Triệu Thuận, Triệu Phong	1117/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Triệu Phong	3.500	3.500			1.500		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch ngân sách tỉnh 2017	Trong đó:	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSDP		Thanh toán nợ đọng	
			Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Trạm Y tế xã Thanh, huyện hướng Hóa	3589/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Hướng Hóa	4.200	3.500			1.500		
III	Giáo dục- Đào tạo		4.934	4.934	1.148	1.148	15.300		
1	Sở Giáo dục và Đào tạo						1.400		
-	Nhà đa năng, hàng rào Trường THPT Trần Thị Tâm, Hải Lăng	2758/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	5.800	5.800			500		Lồng ghép vốn
-	Phòng học tầng 3 Trường THPT Nguyễn Huệ, TX Quảng Trị	2776/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	2.300	2.300			500		Lồng ghép vốn
-	Tường rào, Kè chắn đất Trường THPT Hướng Phùng, Hướng Hóa	191a/QĐ-SKH-TĐ ngày 28/10/2016	900	900			400		
2	Huyện Hướng Hóa						600		
-	Trường THCS Tân Lập	3602/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Hướng Hóa	1.500	1.200			600		Lồng ghép vốn
3	Huyện Đakrông						900		
-	Trường Mầm non Hướng Hiệp, thôn Hà Bạc. Hạng mục 04 phòng học	2106/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Đakrông	3.000	2.400			300		Lồng ghép vốn
-	Trường Tiểu học thị trấn Krông Klang. Hạng mục 08 phòng học	2107/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Đakrông	5.000	4.000			600		Lồng ghép vốn
4	Huyện Cam Lộ						1.200		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch ngân sách tỉnh 2017	Trong đó:	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số		Trong đó: NSDP	
			Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	3983/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ	5.000	4.000			500	Lồng ghép vốn
-	Trường Mầm non Hoa Hồng	3984/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ	5.000	4.000			500	Lồng ghép vốn
-	Trường THCS Lê Thế Hiếu	3981/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ	4.000	3.200			200	Lồng ghép vốn
5	Huyện Hải Lăng		4.934	4.934	1.148	1.148	3.100	
-	Nhà học bộ môn Trường THCS Hải Phú	2439/QĐ-UBND 31/10/2014	4.934	4.934	1.148	1.148	1.500	
-	Trường THCS Hải Xuân	/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	6.600	5.200			400	Lồng ghép vốn
-	Trường Mầm non Hải Chánh	867/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Hải Lăng	4.942	4.000			600	Lồng ghép vốn
-	Trường THCS Hội Yên	868/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Hải Lăng	4.875	4.000			600	Lồng ghép vốn
6	Huyện Triệu Phong						1.500	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch ngân sách tỉnh 2017	Trong đó: Thanh toán nợ đọng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số			
			Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Trường THCS Triệu Sơn	1118/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Triệu Phong	5.000	4.000			600	Lồng ghép vốn
-	Trường Mầm non Triệu Hòa	1119/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Triệu Phong	5.000	4.000			500	Lồng ghép vốn
-	Trường Mầm non Triệu Trạch	1120/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Triệu Phong	4.000	3.200			400	Lồng ghép vốn
7	Huyện Gio Linh						1.200	
-	Trường THCS Thị trấn Gio Linh	2747/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	7.000	5.600			400	
-	Trường mầm non Hoa Mai	2748/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	6.000	4.800			400	
-	Trường Tiểu học Linh Hải	6817/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Gio Linh	5.000	4.000			400	
8	Huyện Vĩnh Linh						1.700	
-	Trường THCS Nguyễn Trãi (xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao)	2773/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	7.500	6.000			500	Lồng ghép vốn
-	Trường THCS Trần Công Ái	3271/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Linh	3.700	3.000			500	Lồng ghép vốn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch ngân sách tỉnh 2017	Trong đó: Thanh toán nợ đọng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số			
			Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Trường MN số 2 Vĩnh Lâm (cụm Tân Mỹ)	3270/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Linh	5.000	4.000			700	Lồng ghép vốn
9	Thành phố Đông Hà						2.200	
-	Trường THCS Trần Hưng Đạo	2763/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	14.500	8.000			800	
-	Trường Tiểu học Sông Hiếu	2765/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	5.500	4.000			700	
-	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	2762/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	8.000	5.600			700	
10	Thị xã Quảng Trị						1.500	
-	Trường Mầm non Thành Cổ (Nhà học tập kết hợp khu hiệu bộ)	1349/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND TXQT	3.433	2.400			400	Lồng ghép vốn
-	Trường Mầm non Hoa Phượng (Nhà đa năng kết hợp Khu hiệu bộ)	1348/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND TXQT	2.433	1.700			400	Lồng ghép vốn
-	Trường THCS Lương Thế Vinh (Nhà học chức năng; Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ)	1346/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND TXQT	2.195	1.550			400	Lồng ghép vốn
-	Trường Tiểu học Kim Đồng	1347/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND TXQT	4.508	4.000			300	Lồng ghép vốn